Use cases

[1. Đăng kí 4](#_Toc463594388)

[1.1 Đăng kí thông thường 4](#_Toc463594389)

[1.2 Đăng kí qua mạng xã hội (Facebook, Google +, Twitter, Linkedin) 4](#_Toc463594390)

[1.3 Xác thực tài khoản bằng số điện thoại, mạng xã hội (FB, G+) 5](#_Toc463594391)

[2. Quản lý người dùng 5](#_Toc463594392)

[2.1 Đăng nhập 5](#_Toc463594393)

[2.1.1 Ghi nhớ tài khoản 6](#_Toc463594394)

[2.1.2 Quên mật khẩu 6](#_Toc463594395)

[2.2 Chỉnh sửa hồ sơ 7](#_Toc463594396)

[2.2.1 Đổi mật khẩu 7](#_Toc463594397)

[2.2.2 Chỉnh sửa thông tin cơ bản 7](#_Toc463594398)

[2.2.3 Thêm hình đại diện cho người dùng 8](#_Toc463594399)

[2.2.4 Xóa hình đại diện của người dùng 8](#_Toc463594400)

[2.3 Mời bạn từ mạng xã hội (Facebook, Google +, Twitter, Linkedin) 9](#_Toc463594401)

[2.4 Theo dõi người dùng 9](#_Toc463594402)

[2.5 Bỏ theo dõi người dùng 10](#_Toc463594403)

[2.6 Xem thông tin của người dùng khác 10](#_Toc463594404)

[3. Tìm kiếm thông tin 11](#_Toc463594405)

[4. Hiển thị 11](#_Toc463594406)

[4.1 Hiển thị nội dung lên tường 11](#_Toc463594407)

[4.2 Hiển thị các hoạt động gần đây 12](#_Toc463594408)

[5. Quản lí tin đăng 13](#_Toc463594409)

[5.1 Đăng tin 13](#_Toc463594410)

[5.2 Xem thêm tin đăng 13](#_Toc463594411)

[5.3 Xem chi tiết tin đăng 14](#_Toc463594412)

[5.4 Yêu thích tin đăng 14](#_Toc463594413)

[5.5 Bỏ yêu thích tin đăng 15](#_Toc463594414)

[5.6 Lưu tin đăng 15](#_Toc463594415)

[5.7 Chia sẻ tin đăng 16](#_Toc463594416)

[5.8 Cập nhật trạng thái tin đăng công việc 16](#_Toc463594417)

[5.9 Xóa tin đăng 17](#_Toc463594418)

[6. Thêm kết nối 17](#_Toc463594419)

[7. Tin nhắn 18](#_Toc463594420)

[7.1 Gửi tin nhắn 18](#_Toc463594421)

[7.2 Nhận tin nhắn 18](#_Toc463594422)

[8. Quản lí Thông báo 19](#_Toc463594423)

[8.1 Thông báo khi thêm kết nối 19](#_Toc463594424)

[8.2 Trả lời thông báo kết nối 19](#_Toc463594425)

[8.3 Thông báo tin nhắn mới 20](#_Toc463594426)

[8.4 Đọc thông báo tin nhắn mới 20](#_Toc463594427)

[8.5 Thông báo khi có người dùng chia sẻ tin đăng của bạn 21](#_Toc463594428)

[8.6 Đọc thông báo khi người dùng chia sẻ tin đăng của bạn 21](#_Toc463594429)

[9. Thêm chứng nhận hoàn thành công việc cho người tìm việc 22](#_Toc463594430)

[10. Thêm loại công việc mà người dùng quan tâm 22](#_Toc463594431)

[11. Xóa loại công việc 23](#_Toc463594432)

[12. Thống kê 23](#_Toc463594433)

[12.1 Thống kê số lượt truy cập 23](#_Toc463594434)

[12.2 Thống kê số lượng người dùng 23](#_Toc463594435)

[12.3 Thống kê số lượng tin đăng 23](#_Toc463594436)

# Đăng kí

## Đăng kí thông thường

|  |
| --- |
| **Use case**: Đăng kí (thông thường) |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Hệ thống đang chạy  Cơ sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp “Họ tên”, “Giới tính”, “Số điện thoại”, “Ngày sinh”, “Email”, “Mật khẩu” (2 lần).  N2. Hệ thống kiểm tra email đã tồn tại hay chưa, mật khẩu và mật khẩu xác nhận trùng khớp với nhau.  N3. Tài khoản được tạo cho tác nhân nhưng chưa được xác nhận.  N4. Hệ thống lưu hành động “tạo tài khoản” vào bảng log (id tài khoản, Thời gian tạo).  N5. Hệ thống gửi email kèm đường dẫn xác nhận tài khoản vào địa chỉ email tác nhân đã đăng kí.  N6. Tác nhân click vào đường dẫn xác nhận để xác thực tài khoản. Hệ thống cập nhật thông tin tài khoản đã được xác thực.  N7. Hệ thống lưu hành động “xác thực tài khoản” vào bảng log (id tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:**  A1. Email đăng kí đã tồn tại.  A1.a Yêu cầu nhập lại email khác.  A2. Mật khẩu và mật khẩu xác nhận không trùng khớp.  A2.a. Nhập lại mật khẩu. |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tài khoản mới |

## Đăng kí qua mạng xã hội (Facebook, Google +, Twitter, Linkedin)

|  |
| --- |
| **Use case:** Đăng kí thông qua mạng xã hội (Facebook, Google +, Twitter, Linkedin) |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp tài khoản và mật khẩu của mạng xã hội cần dùng đăng kí.  N2. Hệ thống đăng nhập vào mạng xã hội và lấy thông tin tác nhân.  N3. Tài khoản được tạo cho tác nhân nhưng chưa được xác nhận.  N5. Hệ thống lưu hành động “tạo tài khoản” vào bảng log (id tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra)  N6. Hệ thống gửi email kèm đường dẫn xác nhận tài khoản vào địa chỉ email tác nhân đã đăng kí.  N7. Tác nhân click vào đường dẫn xác nhận để xác thực tài khoản. Hệ thống cập nhật thông tin tài khoản đã được xác thực.  N8. Hệ thống lưu thông tin hoạt động vào bảng log (id tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tài khoản mới |

## Xác thực tài khoản bằng số điện thoại, mạng xã hội (FB, G+)

|  |
| --- |
| **Use case:** Xác thực tài khoản bằng số điện thoại, mạng xã hội (FB, G+) |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp số điện thoại, tài khoản mạng xã hội  N2. Hệ thống gửi mã code, gửi đường link xác thực qua số điện thoại, mạng xã hội  N3. Tác nhân nhập mã code cho hệ thống.  N4. Hệ thống xác thực mã và cập nhật trạng thái xác thực tài khoản nếu thông tin hợp lệ  N5. Hệ thống lưu hành động Xác thực tài khoản vào bảng log |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:** |

# Quản lý người dùng

## Đăng nhập

|  |
| --- |
| **Use case:** Đăng nhập |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Người dùng nhập Email và Mật khẩu.  N2. Hệ thống lấy ra Emal và Mật khẩu trên CSDL.  N3. Hệ thống so sánh Email và Mật khẩu nhập vào với Email và Mật khẩu từ CSDL.  N4. Hệ thống lưu hành động đăng nhập vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:**  A1. Tác nhân nhập sai Email hoặc Mật khẩu  A1.a Yêu cầu nhập lại  A2. Đăng nhập sai 3 lần  A2.a. Tài khoản bị khóa tạm thời và chuyển sang trang lấy lại mật khẩu. (Use case Quên mật khẩu). |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Đăng nhập thành công hoặc không thành công |

### Ghi nhớ tài khoản

|  |
| --- |
| **Use case:** Ghi nhớ tài khoản |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Hệ thống lưu Email hiện tại cho lần đăng nhập tiếp theo. |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tài khoản được lưu lại cho lần đăng nhập tiếp theo. |

### Quên mật khẩu

|  |
| --- |
| **Use case:** Quên mật khẩu |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Hệ thống hiển thị màn hình Quên mật khẩu.  N2. Người dùng nhập email đăng kí để nhận đường dẫn lấy lại mật khẩu.  N3. Hệ thống gửi email lấy lại mật khẩu vào địa chỉ email tác nhân.  N4. Tại màn hình lấy lại mật khẩu, tác nhân nhập mật khẩu mới và mật khẩu xác nhận.  N5. Hệ thống lưu hành động đổi mật khẩu vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Mật khẩu mới |

## Chỉnh sửa hồ sơ

### Đổi mật khẩu

|  |
| --- |
| **Use case:** Đổi mật khẩu |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân muốn đổi mật khẩu |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân nhập mật khẩu mới và mật khẩu xác nhận.  N2. Hệ thống so sánh mật khẩu mới với mật khẩu xác nhận.  N3. Hệ thống lưu mật khảu mới vào CSDL.  N4. Hệ thống lưu hành động đổi mật khẩu vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:**  A1. Mật khẩu mới và mật khẩu xác nhận không trùng khớp.  A1.a Nhập lại mật khẩu. |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Mật khẩu mới |

### Chỉnh sửa thông tin cơ bản

|  |
| --- |
| **Use case:** Chỉnh sửa thông tin cơ bản |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân chỉnh sửa các giá trị trong thông tin cơ bản  N2. Hệ thống xác thực các giá trị mới.  N3. Hệ thống lưu lại các giá trị mới.  N4. Hệ thống lưu hành động Sửa thông tin cơ bản vào bảng log (Mã tài khoản, Loại tài khoản, Mã đối tượng được sửa, Thời gian chỉnh sửa). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông tin cơ bản mới. |

### Thêm hình đại diện cho người dùng

|  |
| --- |
| **Use case:** Thêm hình đại diện cho người dùng |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** người dùng muốn thêm hình đại diện cho bản thân |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Người dùng chỉ đinh thư mục lưu trữ file trên máy tính, tên file  N2. Hệ thống sẽ đăng tải file lên máy chủ và lưu vào thư mục với tên file là id của tác nhân, tên file và thời gian tải file lên và lưu trữ các thông tin đó xuống cơ sở dữ liệu  N3. Hệ thống lưu hành động “Thêm hình đại diện” xuống bảng log |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Hình đại diện mới sẻ được hiển thị |

### Xóa hình đại diện của người dùng

|  |
| --- |
| **Use case:** Xóa hình đại diện của người dùng |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân muốn xóa hình đại diện của người dùng |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của ảnh đại diện  N2. Hệ thống xóa file chỉ định lưu trử ở máy chủ  N3.Hệ thống lưu hành động “Xóa hình đại diện” xuống bảng log |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Hình đại diện đã được xóa |

## Mời bạn từ mạng xã hội (Facebook, Google +, Twitter, Linkedin)

|  |
| --- |
| **Use case:** Mời bạn từ mạng xã hội (Facebook, Google +, Twitter, Linkedin) |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân chọn một mạng xã hội và cung cấp tài khoản, mật khẩu mạng xã hội đó.  N2. Hệ thống lấy ra danh sách bạn của tác nhân trên mạng xã hội.  N3. Tác nhân chọn những người bạn mà họ muốn mời.  N4. Hệ thống gửi email kèm đường dẫn đến ứng dụng tới bạn được mời.  N5. Hệ thống lưu hành động Mời bạn vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Email bạn được mời, Mạng xã hội, Thời gian mời). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Lời mời được gửi. |

## Thêm kết nối

|  |
| --- |
| **Use case:** thêm kết nối |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân muốn kết nối với một người khác |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ, id của người nhận (người họ muốn kết nối), lời mời kết nối.  N2. Hệ thống tạo một thông báo kết nối (id tác nhân, id người nhận, lời mời kết nối) xuống cở sở dữ liệu và đợi câu trả lời từ người nhận. |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo có kết nối mới cho người nhận |

## Theo dõi người dùng

|  |
| --- |
| **Use case:** Theo dõi người dùng |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân muốn theo dõi một người dùng khác |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực  Người dùng đã theo dõi người dùng họ muốn bỏ theo dõi |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ và id người dùng họ muốn theo dõi  N2. Hệ thống tạo mối quan hệ “theo dõi” giữa hai người dùng với nhau xuống cơ sở dữ liệu  N3. Hệ thống lưu hành động “theo dõi” xuống cơ sở dữ liệu (id của tác nhân, loại hành động, id của người được theo dõi, thời gian) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Theo dõi người dùng |

## Bỏ theo dõi người dùng

|  |
| --- |
| **Use case:** bỏ theo dõi người đùng |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân muốn bỏ theo dõi đến một người dùng bất kỳ |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ, id của người dùng họ muốn bỏ theo dõi  N2. Hệ thống xóa mối quan hệ “theo dõi” khỏi cơ sở dữ liệu  N3. Hệ thống lưu hành động “bỏ theo dõi” xuống cơ sở dữ liệu (id của tác nhân, loại hành động, id của người được theo dõi, thời gian) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Theo dõi được chấm dứt |

## Xem thông tin của người dùng khác

|  |
| --- |
| **Use case:** Xem thông tin của người dùng khác |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp Email người dùng muốn xem thông tin.  N2. Hệ thống hiển thị thông tin cho tác nhân.  N3. Hệ thống lưu hành động Xem thông tin của người dùng khác (Mã tài khoản, Loại hành động, Mã tài khoản được xem, Thời gian xem) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông tin của người dùng cần xem. |

# Tìm kiếm thông tin

|  |
| --- |
| **Use case:** Tìm kiếm thông tin |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp thông tin tìm kiếm (Từ khóa, Địa điểm, Loại công việc, Loại kỹ năng).  N2. Hệ thống so sánh thông tin tìm kiếm với thông tin trên CSDL.  N3. Hệ thống đưa ra kết quả tìm kiếm cho tác nhân. |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Hiển thị kết quả tìm kiếm |

*??How many results will be showed in a page*

*??How to extend more results for viewing*

*??Sort: alphabel*

# Hiển thị

## Hiển thị nội dung lên tường

|  |
| --- |
| **Use case:** Hiển thị nội dung lên tường |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** Người dùng làm mới tường của họ |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Dựa trên email, id của tác nhân. Hệ thống tải tất cả các tin đăng dựa trên thời gian thay đổi của hành động cuối cùng   * Tin đăng do tác nhân đăng * Tin đăng tác nhân yêu thích * Tin đăng từ người dùng được tác nhân theo dõi * Tin đăng theo vị trí hiện tại của tác nhân * Tin đăng theo các tiêu chí tác nhân quan tâm * …   Mỗi tin đang trong danh sách   * Ảnh hoặc logo của tin đăng, tên của tin đăng, trạng thái của tin đăng, nội dung, thời gian đăng tin, vị trí đăng tin, loại tin đăng, nhóm tin đăng, số lượt quan tâm, số lượt xem, số lượt chia sẻ…   N2. Hệ thống hiển thị danh sách tin đăng trên dòng thời gian (timeline) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:** |

## Hiển thị các hoạt động gần đây

|  |
| --- |
| **Use case:** Hiện thị các hoạt động gần đây |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id hoặc email  N2. Hệ thống tìm kiếm các hoạt động từ bảng log dựa trên id hoặc email của tác nhân và sắp xếp theo thời gian. N hoạt động mới nhất sẽ được hiện thị đầu tiên.  N3. Hiển thị hoạt động cho tác nhân |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Hoạt động |

# Quản lí tin đăng

## Đăng tin

|  |
| --- |
| **Use case:** Đăng tin |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** post status |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Người dùng nhập nội dung tin đăng theo loại tin đăng (tìm việc, ứng viên)  N2. Hệ thống lưu mã tài khoản, nội dung tin đăng, thời gian vào CSDL.  N3. Hệ thông lưu hành động Đăng tin vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tin đăng mới |

## Xem thêm tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** xem thêm tin đăng |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** khi tải một danh sách gì đó. Ta không thể tải hết tất cả các phần tử trong cùng một thời gian. Ta chỉ tải một phần của danh sách và sẽ tải thêm nữa nếu ta cần. |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của phần tử cuối cùng, loại phần tử, số phần tử họ muốn xem, giá trị sắp xếp.  N2. Hệ thống sẽ tải thêm các phần tử dựa trên các thông tin của tác nhân  N3. Hệ thống hiển thị thông tin cho tác nhân |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Hiển thị thêm nhiều phần tử hơn |

## Xem chi tiết tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** Xem chi tiết tin đăng |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id tin đăng  N2. Hệ thống tải nội dung dựa trên id tin đăng  N3. Hệ thống hiển thị tin đăng cho tác nhân  N4. Hệ thống lưu hành động “xem chi tiết tin đăng” xuống bảng log |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Chi tiết tin đăng |

## Yêu thích tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** Yêu thích tin đăng |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** Actors click care |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Người dùng cung cấp mã tài khoản và mã tin đăng.  N2. Hệ thống lưu thông tin tin đăng được quan tâm cùng với mã tài khoản.  N3. Hệ thống lưu hành động Yêu thích tin đăng vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tin đăng được yêu thích. |

## Bỏ yêu thích tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** Bỏ yêu thích tin đăng |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** Actors click uncare |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực  Tin đăng đã được yêu thích |
| **Normal course:**  N1. Người dùng cung cấp mã tài khoản và mã tin đăng.  N2. Hệ thống hủy tình trạng yêu thích tin đăng trên CSDL.  N3. Hệ thống lưu hoạt động Bỏ yêu thích tin đăng vào bảng log (Mã tài khoản, Loại hành động, Thời gian diễn ra). |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tin đăng bị bỏ yêu thích. |

## Lưu tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** Lưu tin đăng |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của tin đăng đăng  N2. Hệ thống tạo dòng dữ liệu lưu id tin đăng, id tác nhân, thời gian lưu  N3. Hệ thống lưu tin đăng vào danh sách tin đăng đã lưu của tác nhân  N4. Hệ thống lưu hành động “Lưu tin đăng” vào bảng log |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Lưu tin đăng |

## Chia sẻ tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** Chia sẻ tin đăng |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** share status |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Actors provide their email or id, id of status, id or email of receiver (individuals or companies)  N2. The system save id of actor, id of status, id of receiver, time to database  N3. The system adds sharing notification (id of actor, id of receiver, status id, time)  N4. The system saves the action “share comment” into log table (id of account, type of action, id of status, id of receiver, sharing time) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Status is shared |

## Cập nhật trạng thái tin đăng công việc

|  |
| --- |
| **Use case:** Cập nhật trang thái tin đăng |
| **Actor:** Người dùng |
| **Description:** Khi người dùng tìm được người thực hiện công việc hoặc công việc đã hoàn thành |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id công việc và id người làm việc, trạng thái công việc  N2. Hệ thống cập nhật trang thái tin đăng công việc  N3. Thông báo trạng thái công việc đến người làm việc |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:** |

## Xóa tin đăng

|  |
| --- |
| **Use case:** xóa tin đăng |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân xóa tin đăng |
| **Preconditions:**Người dùng đã đăng nhập thành côngHệ thống đang chạyCở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:** N1. Tác nhân cung cấp id của họ, id của tin đăngN2. Hệ thống cập nhật trạng thái tin đăng thành “đã xóa”N3. Hệ thống lưu hành động “xóa tin đăng” xuống bảng log (id người dùng, loại hành động, id của tin đăng, thời gian thực hiện) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**Tin đăng được xóa |

# Tin nhắn

## Gửi tin nhắn

|  |
| --- |
| **Use case:** Gửi tin nhắn |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân đăng nhập vào hệ thống |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id, id người nhận, nội dung tin nhắn  N2. Hệ thống lưu tin nhắn (id của người nhận, id của tác nhân, nội dung, thời gian) xuống cơ sở dữ liệu.  N3. Hệ thống tạo và hiển thị thông báo tin nhắn mới cho người nhận |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tin nhắn mới |

## Nhận tin nhắn

|  |
| --- |
| **Use case:** Nhận tin nhắn |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân đăng nhập vào hệ thống |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id, id của người họ muốn trò chuyện  N2. Hệ thống đọc N tin nhắn trò chuyện mới nhất  N3. Hệ thống hiển thị tin nhắn mới nhất cho tác nhân |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Tin nhắn mới nhất được hiển thị |

# Quản lí Thông báo

## Thông báo khi thêm kết nối

|  |
| --- |
| **Use case:** Thông báo khi thêm kết nôi |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân đăng nhập vào hệ thống |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ  N2. Hệ thống tìm kiếm những kết nối dựa vào id của tác nhân.  N3. Hệ thống hiển thị thông báo kết nối cho tác nhân. |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo kết nối đã được hiển thị cho tác nhân |

## Trả lời thông báo kết nối

|  |
| --- |
| **Use case:** Trả lời thông báo kết nối |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân trả lời thông báo kết nối |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ, id của thông báo kết nối, id của kết nối, id của loại trả lời kết nối (đồng ý hay không đồng ý).  N2. Hệ thống sẽ tạo, kích hoạt kết nối (id của người kết nối, id của người nhận kết nối và thời gian) xuống cơ sở dữ liệu.  N3. Hệ thống lưu hành động ‘chấp nhận kết nối’ vào bảng log (id của tác nhân, id của kết nối, thời gian) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo kết nối đã hiển thị cho tác nhân |

Notes: notification about new status of follower, connection, group, new comment to the status, new shared status

## Thông báo tin nhắn mới

|  |
| --- |
| **Use case:** Thông báo tin nhắn mới |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** Tác nhân đăng nhập vào hệ thống |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ.  N2. Hệ thống tải các thông báo tin nhắn theo id của tác nhân  N3. Hệ thống hiển thị các thông báo cho tác nhân |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo có tin nhắn được hiển thị |

## Đọc thông báo tin nhắn mới

|  |
| --- |
| **Use case:** Đọc thông báo tin nhắn mới |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân chọn vào thông báo |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id thông báo của họ  N2. Hệ thống thay đổi trạng thái của tin nhắn (đã d) xuống database.  N3. Hiển thị cuộc trò chuyện của tác nhân khi họ chọn vào thông báo |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo đã được đọc |

## Thông báo khi có người dùng chia sẻ tin đăng của bạn

|  |
| --- |
| **Use case:** Thông báo khi có người dùng chia sẻ tin đăng của bạn |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** Tác nhân đăng nhập vào hệ thống |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của họ  N2. Hệ thống lấy thông báo về tin đăng được chia sẻ bởi một người khác  N3. Hệ thống hiển thị thông báo về việc chia sẻ tin đăng đến tác nhân. |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo chia sẻ tin đăng được hiển thị |

## Đọc thông báo khi người dùng chia sẻ tin đăng của bạn

|  |
| --- |
| **Use case:** Đọc thông báo khi người dùng chia sẻ tin đăng của bạn |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** tác nhân chọn vào thông báo |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id của thông báo  N2. Hệ thống cập nhật trạng thái của thông báo (đã xem) xuống cơ sở dữ liệu.  N3. Hiển thị tin đăng được chia sẻ cho tác nhân (dựa trên id tin đăng được chia sẻ)\_ |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Thông báo đã được đọc |

# Thêm chứng nhận hoàn thành công việc cho người tìm việc

|  |
| --- |
| **Use case:** Thêm chứng nhận hoàn thành công việc cho người tìm việc |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Actors provide new experience item (logo, *Name of company, name of job, location, starting date-ending date or up to now, description of the job, level of position*)  N2. The system validates new values  N3. The system saves new values  N4. The system saves the action “add new experience items” into log table (id of account, type of action, id of new experience item, editing time) |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  New experience item is added |

# Thêm loại công việc mà người dùng quan tâm

|  |
| --- |
| **Use case:** Thêm loại công việc mà người dùng quan tâm |
| **Actor:** người dùng |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id loại công việc  N2. Hệ thống lưu xuống cở sở dữ liệu, tải các công việc dựa trên id loại công viêc người dùng cung cấp lên tường  N3. Hệ thống lưu hành động “Thêm loại công việc” xuống bảng log |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Loại công việc mới |

# Xóa loại công việc

|  |
| --- |
| **Use case:** remove skills (owner) |
| **Actor:** individuals (students, worker) |
| **Description:** |
| **Trigger:** |
| **Preconditions:**  Người dùng đã đăng nhập thành công  Hệ thống đang chạy  Cở sở dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực  Người dùng có loại công việc |
| **Normal course:**  N1. Tác nhân cung cấp id loại công việc  N2. Hệ thống xóa loại công việc dựa trên id công việc  N3. Hệ thống lưu hành động “Xóa loại công việc” xuông cơ sở dữ liệu |
| **Alternative course:** |
| **Exceptions:** |
| **Post-conditions:**  Loại công việc được xóa khỏi danh sách loại công việc của người dùng |

# Thống kê

## Thống kê số lượt truy cập

## Thống kê số lượng người dùng

## Thống kê số lượng tin đăng